|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯*Nghệ An, ngày 25 tháng 8 năm 2020* |

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2019-2020

VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

PHẦN 1

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2019-2020

**Tình hình cán bộ, viên chức**

 - Tổng số CBVC của Khoa hiện tại: 52, trong đó có 48 cán bộ giảng dạy, gồm: 02 PGS, 08 TS, 36 thạc sỹ và 02 cử nhân; số lượng giảng viên chính là 13.

 - CB đang công tác tại đơn vị: 49

 - CB đang học tập trung ở nước ngoài: 03

**Thuận lợi và khó khăn**

***Thuận lợi***

 - Có đội ngũ giáo viên tốt về chuyên môn nghiệp vụ, tận tình trong giảng dạy và NCKH, hướng dẫn SV hoàn thành thực tập và các hoạt động hỗ trợ giáo dục khác.

 - Xây dựng được mối đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động chuyên môn và các hoạt động tập thể do Trường, BCN khoa, và Công đoàn đề ra.

***Khó khăn***

 - CBGD đảm nhiệm công tác giảng dạy, bồi dưỡng cho nhiều đối tượng, nhiều hệ đào tạo, ở nhiều địa bàn khác nhau; ảnh hưởng đến việc bố trí, điều hành chuyên môn

- Công tác NCKH chưa tương xứng với tiềm lực của đơn vị

 - Chất lượng tuyển sinh không đồng đều, ý thức học tập của nhiều sinh viên chưa tốt gây áp lực cho công tác đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra

1. Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

*a) Kết quả thực hiện*

- Đơn vị đã tiến hành khảo sát nhu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh; đơn vị chưa tiến hành khảo sát Cử nhân ngành SP Tiếng Anh. Tuy nhiên, đơn vị đã dựa trên số liệu khảo sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với nhu cầu tuyển dụng GV tiếng Anh tại các tỉnh, thành trên cả nước

- Đơn vị đã tiến hành rà soát CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và SP Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO; tiến hành vi chỉnh các tuyên bố chuyển đầu ra và đánh giá mức độ khả thi của các CĐR 2 CTĐT trình độ đại học.

- Đơn vị đã tiến hành cập nhật bản mô tả CĐR theo hướng dẫn của Nhà trường và theo mẫu của Phòng Đào tạo; đồng thời việc dịch sang tiếng Anh bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và SP Tiếng Anh; đơn vị đã tiến hành và công khai CĐR trên Website của đơn vị.

- Đơn vị đã tiến hành cập nhật đề cương CTĐT, đồng thời các Bộ môn cũng đã tiến hành rà soát và chỉnh sửa đề cương môn học phần. Tuy nhiên việc tiến hành cập nhật, chỉnh sửa chưa được đồng bộ giữa các Bộ môn.

- Toàn thể CBGD của Khoa thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giảng dạy; thực hiện tốt nội quy, quy chế, nề nếp, kỷ cương trong đào tạo. Cán bộ thực hiện công tác giới thiệu đề thi học phần nghiêm túc, có chất lượng, bao quát được khối lượng kiến thức đã giảng dạy, nộp đề thi đúng thời gian.

- Toàn thể CBGD cải tiến nội dung chương trình, nội dung, phương pháp tổ chức dạy học, cập nhật và bổ sung nguồn học liệu cho người học, đổi mới PPGD, v.v; không ngừng tìm tòi, tra cứu tài liệu, tham gia các buổi tập huấn nâng cao trình độ CNTT đáp ứng yêu cầu giảng dạy online, quản lí quá trình học online của sinh viên. Đặc biệt, CBGD của đơn vị đã xây dựng và khai thác hiệu quả trang học tập trực tuyến sử dụng mã nguồn mở LMS, tăng cường việc quản lý tự học cho sinh viên, đặc biệt trong học kỳ II trước tình hình dịch Covid-19. Một số CBGD chủ động, sáng tạo trong hoạt động giảng dạy qua việc ứng dụng CNTT.

 - Thiết kế bộ đề thi VSTEP phục vụ cho việc thi, cấp chứng chỉ bậc 3-5; biên soạn bài giảng online chuyên đề Bồi dưỡng năng lực sử dụng ngoại ngữ.

- Tiến hành rà soát và thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục, lưu trữ hồ sơ minh chứng sau đợt đánh giá ngoài cấp chương trình ngành Ngôn ngữ Anh tháng 4/2019 của Đoàn đánh giá ngoài thuộc Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục, ĐHQG Hà Nội; rà soát các bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh, điều chỉnh mục tiêu đào tạo theo sản phẩm quy trình hệ thống để đảm bảo các chuẩn đầu ra tương thích với mục tiêu, CTĐT tiếp cận CDIO của 2 ngành trên.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

- Mặc dù đơn vị đã tiến hành rà soát CĐR của CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh và SP Tiếng Anh theo tiếp cận CDIO và tiến hành vi chỉnh các tuyên bố chuyển đầu ra và đánh giá mức độ khả thi của các CĐR 2 CTĐT trình độ đại học. Tuy nhiên việc điều chỉnh CĐR và công khai CĐR (sau khi điều chỉnh) đang chờ phê duyệt từ phía Nhà trường.

- Đơn vị chưa tiến hành khảo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT từ năm 2018 do chưa hết 01 vòng đời CDIO của CTĐT. Kết quả, dữ liệu khảo sát chủ yếu thu thập được từ Trung tâm DV, HTSV&QHDN và Phòng CTHSSV của Nhà trường thông qua việc lấy ý kiến của người học.

- Việc tiến hành rà soát, chỉnh sửa đề cương chi tiết, CĐR ra học phần chưa được thực hiện đồng bộ giữa các Bộ môn.

2. Công tác dạy học

*a) Kết quả thực hiện*

- CBGD của Khoa giữ vững nề nếp kỷ cư­ơng trong công tác giảng dạy và thực hiện đúng nội quy, quy chế của Nhà trư­ờng, không có cán bộ vi phạm nghiêm trọng quy chế đào tạo; công tác thanh tra, kiểm định được thực hiện đúng quy chế.

- Tổ chức tốt việc giảng dạy, ra đề thi, coi thi và chấm thi các học phần của các hệ đào tạo trong và ngoài Trường

- Tổ chức tốt việc giảng dạy, ra đề thi, coi thi và chấm thi chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cho NCS, học viên cao học và sinh viên của Trường.

- Tổ chức thành công tháng rèn luyện NVSP; Tiến hành dự giờ, thăm lớp thường xuyên và nghiêm túc; nhiều cán bộ đăng ký thao giảng vào tháng rèn luyện NVSP.

- Một số CBGD chủ động, sáng tạo trong hoạt động giảng dạy như các hoạt động Startup Festival, các dự án học tập qui mô nhỏ, các hoạt động tiếng Anh cộng đồng.

- Các câu lạc bộ, đội nhóm hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả như English Speaking Zone (ESZ), English Learning Assistance Club (ELAC), CLB Truyền thông FCC, Art Club, Dancing Club ...; tổ chức 01 Hội nghị và 03 diễn đàn trao đổi kinh nghiệm học tập cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên K60 trong thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 02/2020; tổ chức nhiều hoạt động hướng nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Khoa như cuộc thi sáng tác thơ ca, văn xuôi về khoa, phát động phong trào thi đua học tốt trong tất cả các chi đoàn, lớp; tổ chức hoạt động Teambuilding với quy mô lớn để kết nối cựu sinh viên các thế hệ, v.v.

 - Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các yêu cầu về sản phẩm, minh chứng đối với 06 lĩnh vực thực tập nghề nghiệp của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

- Tổ chức 02 hội nghị cấp khoa về đổi mới nội dung, PPGD và kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR của CTĐT và các học phần trong CTĐT; các Bộ môn tổ chức được 06 hội nghị chuyên đề liên quan đến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR.

- Rà soát danh mục tài liệu, cập nhật, bổ sung nguồn tư liệu, giáo trình, sách, báo phục vụ cho hoạt động dạy học, đặc biệt là danh mục tài liệu bắt buộc trong CTĐT tiếp cận CDIO.

- Rà soát tất cả các học phần giảng dạy từ K58 trong khung chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO để có đầy đủ ngân hàng đề thi (trắc nghiệm) và bổ sung, làm mới ngân hàng đề thi tự luận. Toàn thể cán bộ thực hiện xây dựng các bộ đề thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ 06 bậc (VSTEP) nhằm phục vụ công tác thi, kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ cho các đối tượng trong và ngoài trường.

Khối lượng giảng dạy Khoa SP Ngoại ngữ đảm nhận trong năm học như sau:

* Bộ môn Lý Thuyết Tiếng Anh: **5.500** giờ[[1]](#footnote-1)(giờ dạy của BM năm học 2018-2019 là 2.412,25giờ)
* Bộ môn PPGD Tiếng Anh: **1.564.5** giờ(giờ dạy của BM năm học 2018-2019 là 1.275 giờ)
* Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành: **8.775** giờ (giờ dạy của BM năm học 2018-2019 là 11.979giờ)
* Bộ môn Kỹ năng tiếng Anh: **7.663** giờ[[2]](#footnote-2) (giờ dạy của BM năm học 2018-2019 là 6.703 giờ)
* Bộ môn Biên - Phiên dịch: **4.009** giờ (giờ dạy của BM năm học 2018-2019 là 2.140 giờ)

 Tổng giờ dạy Khoa thực hiện trong năm học là **27.511,5 giờ** trong đó giảng viên thỉnh giảng giảng dạy 554 giờ, 45 CB Khoa giảng dạy **26.957,5 giờ** (trung bình 599 giờ/CBGD). Giờ dạy của hầu hết các bộ môn trong năm học 2019-2020 vượt kế hoạch năm học và tăng so với năm học trước.[[3]](#footnote-3)

- CBGD được tiếp cận dữ liệu phản hồi của của người học về quá trình dạy học và kết quả học tập qua đó toàn thể CBGD điều chỉnh/đổi mới PPGD, kiểm tra đánh giá kịp thời qua mỗi học kỳ.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

- Đơn vị chưa tiến hành đánh giá kết quả đánh giá tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và CĐR của CTĐT. Kết quả trên chủ yếu được thu tập từ số liệu phân tích của Trung tâm ĐBCL của Nhà trường.

- Năng lực ngôn ngữ của một số sinh viên còn hạn chế, gây khó khăn cho việc đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình giảng dạy tiếp cận CDIO đã triển khai được 01 khóa (Từ K58 trở đi). Tuy nhiên, trong thực tế triển khai vẫn gặp một số khó khăn, đặc biệt phương thức kiểm tra đánh giá học phần. Người học chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tự học và tự nghiên cứu nên kết quả học tập chưa đáp ứng được yêu cầu.

3. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ

*a) Kết quả thực hiện*

- Hoàn thành 02 đề tài NCKH trọng điểm cấp trường về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá tiếp cận CDIO[[4]](#footnote-4). Số lượng sách và bài báo của cán bộ Khoa SP Ngoại ngữ xuất bản năm học 2019 – 2020 như sau: Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành có 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế uy tín (thuộc danh mục ESCI)[[5]](#footnote-5), 04 bài báo đăng tạp chí trong nước[[6]](#footnote-6), 01 bài đăng kỷ yếu hội thảo VinhTesol. Bộ môn Biên – Phiên dịch có 03 bài báo đăng tạp chí quốc tế[[7]](#footnote-7), 01 bài báo đăng tạp chí trong nước[[8]](#footnote-8), 03 bài đăng kỷ yếu hội thảo. Bộ môn Kỹ năng Tiếng Anh có 01 sách giáo khoa xuất bản,[[9]](#footnote-9) 02 bài báo đăng ký yếu hội thảo VinhTESOL lần thứ 2. Bộ môn Lý thuyết Tiếng Anh có 03 bài báo đăng tạp chí trong nước, 02 bài báo đăng kỷ yếu hội thảo trong nước.[[10]](#footnote-10) Bộ môn PPGD Tiếng Anh 02 bài báo đăng tạp chí trong nước.[[11]](#footnote-11)

- Tổ chức 01 hội thảo quốc tế về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh VinhTESOL lần thứ 2 (tháng 10/2019). Toàn khoa có 42 abstract đăng kỷ yếu Hội thảo VinhTESOL lần thứ 2

- Tổ chức hiệu quả các hội thảo, Seminar chuyên đề, tổ chức thành công Hội thi cán bộ trẻ dạy giỏi cấp khoa. Năm học 2019 – 2020, các bộ môn tổ chức được 35 Seminar chuyên đề.[[12]](#footnote-12) Tổng số giờ thao giảng cấp trường và cấp khoa của các bộ môn là 21 giờ.[[13]](#footnote-13)

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

- Một số buổi sinh hoạt chuyên môn của các bộ môn vẫn còn mang tính hình thức, thiếu tập trung vào các vấn đề thực tiễn như chia sẻ các kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các sáng kiến kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy.

 - Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí trong và nước ngoài năm học 2019 – 2020 có giảm so với năm học trước do khối lượng giờ dạy quá lớn và CBGD phải đảm nhiệm các nhiệm vụ bồi dưỡng, tập huấn nhiều. Năng lực NCKH chưa được phát triển đồng đều giữa các bộ môn.

 - Nhiệm vụ NCKH (bài báo đăng tạp chí uy tiến thế giới Scopus/ISI) của Nhà trường giao cho đơn vị không hoàn thành;[[14]](#footnote-14) có 02 nhóm nghiên cứu của Khoa được thành lập nhưng hoạt động chưa hiệu quả. Trong năm học 2019-2020, Khoa chưa có công trình nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước.

- Đơn vị tiến hành tổng kết và khen thưởng công tác NCKH của năm học. Tuy nhiên, hiện đơn vị chưa biên soạn sổ tay/hướng dẫn thực hiện kế hoạch NCKH của đơn vị; công tác NCKH và báo cáo kết quả NCKH của người học chưa được chú trọng.

4. Công tác phát triển đội ngũ

*a) Kết quả thực hiện*

- Hiện tổng số CBVC của Khoa SP Ngoại ngữ là 53, trong đó có 02 PGS[[15]](#footnote-15), 08 TS[[16]](#footnote-16), 37 thạc sỹ và 02 cử nhân.[[17]](#footnote-17) Số giảng viên chính của đơn vị hiên nay là 13[[18]](#footnote-18). Số CB đang đi học tập và nghiên cứu tập trung ở nước ngoài là 03[[19]](#footnote-19); 01 giảng viên nhận học bổng Fulbright làm trợ giảng ngôn ngữ 9 tháng tại Hoa Kỳ.[[20]](#footnote-20) Năm học 2019-2020, đơn vị đã xây dựng kế hoạch cử CBGD đi học nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ trẻ.[[21]](#footnote-21) Có 04 CBGD bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và PPGD bộ môn Tiếng Anh[[22]](#footnote-22); 02 cán bộ sắp hoàn thành CTĐT cao học ngành Đo lường và Đánh giá trong Giáo dục do Trường Đại học Giáo dục - ĐH Quốc gia Hà Nội đào tạo.[[23]](#footnote-23)

 - 07 cán bộ hoàn thành khóa bồi dưỡng cán bộ ra đề thi, bồi dưỡng cán bộ chấm thi Nói và Viết tiếng Anh; hàng chục CBGD tham gia khóa bồi dưỡng viết tiểu mục đề thi tiếng Anh 6 bậc.

- Đơn vị đã rà soát, điều chuyển cán bộ giữa các bộ môn nhằm đảm bảo cân đối về nhân sự, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn phụ trách của các bộ môn và chiến lược phát triển của các bộ môn và đơn vị; tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBVC của đơn vị. Có 10 CBGD trẻ tham gia các khóa đào tạo trình độ tiến sĩ giai đoạn 2020-2025, mỗi năm cử 2-3 CBGD đi học trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước; dự báo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ nhằm nâng cao trình độ năng lực của cán bộ và phục vụ kế hoạch mở các mã ngành mới như CTĐT cử nhân Quốc tế học, CTĐT thạc sĩ Ngôn ngữ Anh, CTĐT tiến sĩ Lý luận và PPGD bộ môn Tiếng Anh, mở lớp Chất lượng cao ngành Sư phạm Tiếng Anh.

Năm học 2019-2020, đơn vị được tặng Bằng khen “Tập thể lao động xuất sắc năm học 2018 – 2019” của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; có 01 cá nhân được nhận Bằng khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2017 – 2018 đến năm học 2018 – 2019”[[24]](#footnote-24), 05 cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An[[25]](#footnote-25) và 01 cá nhân được tặng Bằng khen của Công đoàn Giáo dục Việt Nam[[26]](#footnote-26).

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều. Tinh thần tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ chưa cao. Cơ chế tuyển dụng CBGD còn gặp khó khăn.

5. Công tác về người học

5.1. Công tác tuyển sinh

Toàn Khoa hiện có 1441 sinh viên, học viên, trong đó có 915 sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, 365 sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh, 129 học viên cao học ngành Lý luận và PPGD bộ môn tiếng Anh và 32 sinh viên hệ liên thông. Năm học 2019-2020, tổng số sinh viên đầu vào (K60) là 457 sinh viên[[27]](#footnote-27), trong đó có 335 sinh viên ngành Ngôn ngữ và 122 sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh. Số sinh viên bảo lưu hoặc bỏ học cho đến thời điểm hiện tại là 19 sinh viên.

Nguồn tuyên sinh đầu vào của đơn vị năm học 2019-2020 tăng đột biến do chất lượng đào tạo và hỗ trợ người học ngày càng được nâng cao, nhu cầu xã hội đối với 02 ngành đào tạo ngày càng lớn và công tác tư vấn, quảng bá tuyển sinh của đơn vị được đổi mới và tiến hành dưới nhiều phương thức khác nhau (Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, bài viết quảng bá tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của đơn vị; video, bài viết giới thiệu, quảng bá về đơn vị trên Fanpage khoa; thành lập CLB Truyền thông phục vụ công tác quảng bá đơn vị và tư vấn, quảng bá tuyển sinh; phát tờ rơi; kết nối với học viên cao học PPGD tiếng Anh để quảng bá tuyển sinh tại các trường THPT, v.v…).

**5.2. Công tác hỗ trợ người học**

*a) Kết quả thực hiện*

- Đội ngũ Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo hoạt động hiệu quả, tận tình giúp đỡ sinh viên giải quyết các vấn đề liên quan đến học tập.

- Trợ lý QLSV theo dõi, liên hệ người học để quản lý, tư vấn quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên, lưu trữ dữ liệu về kết quả học tập của người học, đồng thời có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học.

- Cố vấn học tập cập nhật sổ tay theo dõi/tư vấn người học: phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp, tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp, phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập.

- LCĐ, LCH tổ chức nhiều mô hình *c*ác câu lạc bộ, đội nhóm hỗ trợ tích cực việc học tập và rèn luyện của sinh viên như English Speaking Zone (ESZ), English Learning Assistance Club (ELAC), CLB Truyền thông FCC, Art Club, Dancing Club ...; tổ chức 01 Hội nghị và 03 diễn đàn trao đổi kinh nghiệm học tập cho sinh viên, đặc biệt là sinh viên K60.

- Tổ chức 01 diễn đàn định hướng nghề nghiệp và kết nối doanh nghiệp hỗ trợ thực tập, giới thiệu cơ hội việc làm cho sinh viên; kết nối với các doanh nghiệp/tổ chức phối hợp/liên kết với trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

Hiện đơn vị chưa cập nhật sổ tay nghiệp vụ về người học đã tốt nghiệp, đặc biệt là báo cáo tổng kết/đánh giá tỉ lệ SV có việc làm, thu nhập bình quân của các khóa tốt nghiệp cũng như tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa tìm được việc làm.

6. Công tác cơ sở vật chất

*a) Kết quả thực hiện*

- Đơn vị có hệ thống phòng học tiếng tại tầng 2 Thư viện được trang bị đầy đủ các thiết bị máy tính và các phương tiện dạy học cần thiết. Ngoài ra các phòng máy tầng 2 Thư viện được trưng dụng tối đa công suất cho công tác thi và cấp chứng nhận, chứng chỉ NLNN bậc 3-5/B1-C1 (đơn vị có sổ theo dõi tình trạng hoạt động, tần suất sử dụng các phòng máy, các trang thiết bị).

- Đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với BQL Đề án NNQG của Nhà trường để nâng cấp các trang thiết bị dạy-học ngoại ngữ tại tầng 2 Thư viện, gồm 2 phòng học Phiên dịch, mỗi phòng gồm 41 máy tính, hệ thống điện, âm thanh và bộ phần mềm dạy Phiên dịch.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí về điện nước, bảo quản và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có như thiết bị phòng học tiếng, máy tính, máy in, bàn ghế.

7. Công tác hợp tác đối ngoại

 - Đơn vị tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo, đặc biệt là chương trình đào tạo liên kết Cử nhân Ngôn ngữ Anh với Trường Đại học Maha Sarakham (Thái Lan), với Đại sứ quán Hoa kỳ về chương trình hỗ trợ chuyên gia và cấp học bổng Access cho sinh viên trường (lớp Access do khoa quản lý và trực tiếp giảng dạy); tăng cường hoạt động phát triển chuyên môn với Nhà xuất bản National Geographic Learning (Cengage), hợp tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo, các khoa, trường đào tạo ngoại ngữ trong cả nước.

 - Xây dựng kế hoạch và chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế như Tổ chức Anh ngữ khu vực (RELO) thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ để tiếp nhận 01 chuyên gia Anh ngữ giảng dạy tại khoa, Tổ chức tình nguyện viên quốc tế giảng dạy Anh ngữ tại Việt Nam (SJ Vietnam) để tiếp nhận 02 tình nguyện viên Anh ngữ giảng dạy và hỗ trợ dạy-học ngoại ngữ tại khoa và trường, hợp tác với Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Đức để lên ý tưởng xây dựng Trung tâm tiếng Đức tại Trường Đại học Vinh.

8. Các công tác khác

- Ban chủ nhiệm khoa phối hợp hiệu quả với Đảng ủy bộ phận phối hợp nắm vững tình hình, định hướng tư tưởng, chính trị, giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, sinh viên; tích cực tuyên truyền để cán bộ, viên chức nhận thức về tầm quan trọng, vị trí của công tác giáo dục lý luận chính trị. Đẩy mạnh công tác dân chủ, tích cực khai thông thông tin làm cho cán bộ, viên chức và người học hiểu được những thuận lợi cũng như khó khăn thách thức của Nhà trường, đơn vị.

 **-** Toàn thể CBVC của Khoa tham gia tích cực các hoạt động Công đoàn, tham gia cuộc thi Cán bộ trẻ dạy giỏi cấp khoa và cấp trường. Đặc biệt, trong cuộc thi Cán bộ trẻ dạy giởi cấp trường, Khoa đã có 01 công đoàn viên đạt Giải Nhất (GV Đinh Thị Mai Anh) và 01 Giải Ba (GV Nguyễn Thị Tô Hằng). Công đoàn luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ viên chức trong toàn khoa, xây dựng được khối đoàn kết trong đơn vị; tham gia hiệu quả công tác đời sống, cải thiện môi trường công tác giảng dạy, học tập và sinh hoạt của cán bộ, công chức và học sinh, sinh viên; đảm bảo giờ dạy và thu nhập công bằng trong toàn đơn vị.

 - Công tác quản lý tài chính của Khoa minh bạch và công khai. Quỹ phúc lợi của Khoa luôn được chi đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch năm học, đơn vị căn cứ vào các văn bản của Nhà trường và đơn vị, trong đó bao gồm:

*- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường;*

*- Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030;*

*- Quyết định số 766/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2018 của Hiệu trưởng ban hành về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025;*

*- Quyết định số 2389/QĐ-ĐHV ngày 06/09/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh;*

*- Quyết định số 61/QĐ-ĐHV ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng ban hành về Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019-2025;*

*- Quyết định số 3510/QĐ-ĐHV ngày 23/12/2019 của Hiệu trưởng về việc phân bổ chỉ tiêu công bố bài báo trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu của Web of Science hoặc Scopus năm 2020;*

*- Đặc điểm, tình hình của đơn vị hiện tại.*

1. Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

***1.1. Kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT***

- Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Quốc tế học

- Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Sư phạm tiếng Anh (chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh Tiểu học)

- Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại)

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

- Chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

***1.2. Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT và công bố công khai CĐR của CTĐT***

- Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh

- Công bố công khai CĐR của CTĐT trên website/ subweb của đơn vị

***1.3. Cập nhật bản mô tả CTĐT***

**-** Cập nhật bản mô tả CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh

***1.4.*** ***Cập nhật đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần.***

- Cập nhật đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần.

***1.5. Kế hoạch thể hiện các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện* CTĐT**

**Biểu 2: Kế hoạch giảng dạy**

* Số tín chỉ theo CTĐT: **1.116 TC**
* Số lớp Tín chỉ dự kiến mở: **812 lớp**
* Số tiết giảng dạy quy chuẩn: **41.889 giờ**
* Tổng số giờ giảng dạy quy chuẩn kế hoạch thực hiện:

+ GV trong đơn vị đảm nhiệm: 40.680 giờ

+ GV Khối hành chính trường đảm nhiệm: 594 giờ

* Số giờ chuẩn định mức giảng dạy phải đảm nhiệm theo chức danh: **12.875 giờ**
* Số giờ chuẩn định mức giảng dạy phải đảm nhận đã trừ miễn giảm: **10.964 giờ**
* Dự kiến thừa giờ giảng dạy quy chuẩn: **27.767 giờ**

**Biểu 3: Khối lượng giờ định mức phải đảm nhận của đơn vị**

* Tổng số giờ chuẩn theo định mức: **25.757 giờ**
* Giờ giảng dạy: 12.825
* Giờ NCKH: 9.295
* Giờ HĐCM: 4.746
* Tổng số giờ được miễn giảm: **2.289 giờ**
* Giờ giảng dạy: 1.537
* Giờ NCKH: 1.062
* Giờ HĐCM: 338
* Tổng số giờ chuẩn phải đảm nhiệm: **23.268 giờ**
* Giờ giảng dạy: 10.964
* Giờ NCKH: 8.035
* Giờ HĐCM: 4.339

***1.6. Đánh giá/rà soát/cải tiến/thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTĐT***

- Đánh giá/rà soát/cải tiến/thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTĐT Đại học ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Tiếng Anh

***1.7. Khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT***

- Khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan (nhà tuyển dụng, chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên) để xây dựng và phát triển CTĐT

+ Đại học ngành Sư phạm tiếng Anh (Chất lượng cao, Chuyên ngành SP Tiếng Anh tiểu học)

+ Đại học ngành Ngôn ngữ Anh (Chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại, Tiếng Anh Du lịch)

+ Cao học: ngành Ngôn ngữ Anh

*1.8. Kế hoạch chi tiết tự đánh giá các CTĐT.*

- Thực hiện đánh giá giữa kỳ sau kiểm định CTĐT Đại học ngành Ngôn ngữ Anh

- Tự đánh giá CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh

2. Công tác dạy học

***2.1. Tổ chức hoạt động đổi mới dạy học như: câu lạc bộ học thuật, dự án, rèn nghề, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp*** (**Biểu 4: Các hoạt động giáo dục, đào tạo, thực hành thí nghiệm)**

* Các câu lạc bộ học thuật: ELAC, ESZ, Writing corner
* Các hoạt động dự án, rèn nghề:

+ Hoạt động Phát triển tiếng Anh cộng đồng cho sinh viên không chuyên ngữ

+ Hoạt động tiếng Anh học thuật cho sinh viên chuyên ngữ

+ Hoạt động Khởi nghiệp (Startup Festival) cho sinh viên chuyên ngữ

+ Hội thi Sinh viên với kỹ năng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Ngôn ngữ Anh

+ Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Sư phạm tiếng Anh

* Các hoạt động thực tập, thực hành, thực tế:

+ Kiến tập Sư phạm cho SV ngành Sư phạm tiếng Anh tại các lớp CLC, trường THPT Chuyên Đại học Vinh

+ Thực tập Sư phạm cho SV ngành SP tiếng Anh

+ Thực tập ngoài Sư phạm cho SV ngành Ngôn ngữ Anh

***2.2. Tổ chức hội thảo/hội nghị/chuyên đề/tọa đàm liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR.***

- Seminar bộ môn: 01 tháng/ lần

- Hội nghị Trao đổi kinh nghiệm học tập của sinh viên: 01 tháng/ lần

- Hội nghị Định hướng nghề nghiệp cho Sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh

***2.3. Cập nhật, bổ sung, biên soạn nguồn tư liệu, giáo trình, sách, báo, phim ảnh phục vụ cho hoạt động dạy học.***

- Số lượng giáo trình đăng ký nghiệm thu, xuất bản: 03 giáo trình

- Bổ sung các học liệu, tài liệu tham khảo từ các nguồn tài trợ của ĐSQ Hoa Kỳ, các nhà xuất bản Cengage, National Geographic, MacMillian, tổ chức Extensive Reading cho Reading center của đơn vị

***2.4. Đánh giá tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và CĐR của CTĐT.***

***2.5. Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy học và kết quả học tập.***

- Phản hồi của sinh viên thông qua kết quả đánh giá giảng viên trong từng học kỳ

- Bảng đối sánh CĐR và kết quả học tập của sinh viên

***2.6. Công tác kiểm tra đánh giá: quy trình kiểm tra đánh giá, kết quả thi học phần, chấm luận văn tốt nghiệp/ luận án, bài thi định kỳ/cuối kỳ/cuối khóa... của các hệ đào tạo.***

- Hồ sơ kiểm tra đánh giá của giảng viên

- Hồ sơ học tập của sinh viên

- Dữ liệu thi/ kiểm tra đánh giá của sinh viên

*2.7. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ dạy học và cập nhật định mức kinh tế kỹ thuật* (Sử dụng biểu 2, biểu 3).

**Biểu 2: Kế hoạch giảng dạy**

* Số tín chỉ theo CTĐT: **1.116 TC**
* Số lớp Tín chỉ dự kiến mở: **812 lớp**
* Số tiết giảng dạy quy chuẩn: **41.889 giờ**
* Tổng số giờ giảng dạy quy chuẩn kế hoạch thực hiện:

+ GV trong đơn vị đảm nhiệm: 40.680 giờ

+ GV Khối hành chính trường đảm nhiệm: 594 giờ

* Số giờ chuẩn định mức giảng dạy phải đảm nhiệm theo chức danh: **12.875 giờ**
* Số giờ chuẩn định mức giảng dạy phải đảm nhận đã trừ miễn giảm: **10.964 giờ**
* Dự kiến thừa giờ giảng dạy quy chuẩn: **27.767 giờ**

**Biểu 3: Khối lượng giờ định mức phải đảm nhận của đơn vị**

* Tổng số giờ chuẩn theo định mức: **25.757 giờ**
* Giờ giảng dạy: 12.825
* Giờ NCKH: 9.295
* Giờ HĐCM: 4.746
* Tổng số giờ được miễn giảm: **2.289 giờ**
* Giờ giảng dạy: 1.537
* Giờ NCKH: 1.062
* Giờ HĐCM: 338
* Tổng số giờ chuẩn phải đảm nhiệm: **23.268 giờ**
* Giờ giảng dạy: 10.964
* Giờ NCKH: 8.035
* Giờ HĐCM: 4.339

3. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ

***3.1. Cập nhật kế hoạch/chiến lược/chính sách NCKH và chuyển giao công nghệ của khoa/viện.***

- Rà soát kế hoạch chiến lược NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị trong giai đoạn 2020-2025

- Cập nhật kế hoạch NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị trong năm học 2020-2021

***3.2. Dự kiến kết quả về các nghiên cứu và công bố của người học và giảng viên*** **(Sử dụng biểu 7).**

-Đề tài NCKH cấp trường: 02 đề tài

- Đề tài NCKH sinh viên: 02 đề tài

- Số lượng công trình công bố:

+ 04 bài ISI/Scopus (02 bài/ nhóm nghiên cứu)

+ Bài báo đăng tạp chí, hội thảo quốc gia, quốc tế:

***3.3. Công tác biên soạn/ cập nhật sổ tay/ hướng dẫn thực hiện kế hoạch NCKH của đơn vị.***

- Biên soạn sổ tay hướng dẫn thực hiện Kế hoạch NCKH của đơn vị

***3.4. Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, … để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào thực tiễn/sử dụng cải tiến việc dạy và học.***

- Hội thảo Quốc tế về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh VietTESOL 2021/ Hội thảo Quốc tế về Phương pháp giảng dạy tiếng Anh VinhTESOL 2021

- Hội thảo tập huấn phát triển chuyên môn cho giảng viên: 01-02 hội thảo

***3.5. Tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của người học và GV***

- Hội nghị tổng kết đề tài các cấp: 03-04 hội nghị

- Hội nghị báo cáo kết quả sinh viên NCKH: 01 hội nghị

*3.6. Kế hoạch thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế về loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH của người học và GV thuộc các CTÐT tương ứng.*

4. Công tác phát triển đội ngũ

***4.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ của khoa/viện***

- Tăng cường nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ đáp ứng yêu cầu công tác

- Bổ sung nhân lực chất lượng cao cho đơn vị

- Bồi dưỡng sinh viên, học viên có chất lượng cao, đề xuất cơ chế tuyển dụng phù hợp

***4.2. Kế hoạch khảo sát và dự báo nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng đội ngũ***

- Căn cứ quy mô tuyển sinh, nhu cầu xã hội đề xuất kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ

***4.3. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ (Sử dụng biểu 6, biểu 8)***

* Bổ sung, tuyển dụng cán bộ: 04
* Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn:

+ 03 GV học TS và sau TS ở nước ngoài

+ 05 GV học Tiến sĩ trong nước

+ 02 GV học ThS trong nước

* Bồi dưỡng nâng hạng, nâng ngạch giảng viên:

+ Có 01-02 giảng viên đủ điều kiện xem xét, bổ nhiệm chức danh PGS

* Bồi dưỡng lý luận, chính trị:

+ Có 02 giảng viên học Cao cấp lý luận chính trị

+ Có 03 giảng viên học Trung cấp lý luận chính trị

* Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác:

+ Bồi dưỡng năng lực khảo thí:

+ Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm:

+ Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Biên-phiên dịch, Du lịch, vv

*4.4. Công tác đánh giá cán bộ và thi đua khen thưởng của đơn vị.*

- Xây dựng và ban hành bộ đánh giá thi đua khen thưởng của đơn vị để đánh giá đúng năng lực và công việc đảm nhiệm

- Kế hoạch hoạt động để thực hiện các nhiệm vụ năm học: Đăng ký danh hiệu thi đua, Bình xét xếp loại cán bộ hàng tháng, Đánh giá cán bộ hàng năm, vv

5. Công tác về người học

5.1. Công tác tuyển sinh

* Đề án/chính sách tuyển sinh hằng năm của khoa/ viện; Dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh **(Sử dụng biểu 1)**

**Tổng cộng số sinh viên, học viên có mặt năm học 2020-2021: 2.491**

+ Đào tạo ĐH Chính quy:

* Số sinh viên có mặt đến 01.8.2020: 1.109 sinh viên
* Số sinh viên dự kiến tuyển mới năm học 2020-2021: 390 sinh viên

(trong đó: SP Tiếng Anh: 80, ngôn ngữ Anh: 260, VB2: 50)

+ Đào tạo Sau đại học:

* Số học viên có mặt đến 01.8.2020: 124 học viên
* Số học viên dự kiến tuyển mới năm học 2020-2021: 20 học viên

+ Đào tạo VLVH

* Số học viên có mặt đến 01.8.2020: 349 học viên
* Số học viên dự kiến tuyển mới năm học 2020-2021: 150 học viên
* Hình thức quảng bá tuyển sinh: phát hành các thông báo, tờ rơi tuyển sinh, đăng tải thông tin lên trang web/subweb của đơn vị; tăng cường quảng bá trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, tận dụng mạng lưới cựu sinh viên, vv
* Khảo sát hằng năm về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh của đơn vị, bao gồm các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, sinh viên, vv
* Kiến nghị đóng/mở chương trình đào tạo.

- Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh chất lượng cao

- Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh (Chuyên ngành: Sư phạm tiếng Anh Tiểu học)

- Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại, Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch)

- Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Quốc tế học

- Mỡ mã ngành Đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh

**5.2. Công tác hỗ trợ người học**

* Kế hoạch thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học

+ Trợ lý QLHSSV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm theo dõi, liên hệ người học;

+ Trợ lý đào tạo, Chủ nhiệm lớp, Chuyên viên VPK lập dữ liệu về kết quả học tập của người học hằng năm

+ Trợ lý QLHSSV,Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Chủ nhiệm lớp lập báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của người học

+ Trợ lý QLHSSV, Bí thư LCĐ, LCH lập bảng tổng hợp các hoạt động người học tham gia vào các câu lạc bộ, các nhóm nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi,

+ Trợ lý QLHSSV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Chủ nhiệm lớp tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp

+ Trợ lý QLHSSV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Chủ nhiệm lớp lập nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp

+ Trợ lý QLHSSV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Chủ nhiệm lớp quản lý phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập

* Kế hoạch thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học đã tốt nghiệp

+ Trợ lý QLHSSV theo dõi, liên hệ với người học tốt nghiệp, lập số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết/đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của các khóa tốt nghiệp;

+ Trưởng bộ môn, TLĐT lập danh sách các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp/tổ chức phối hợp/liên kết với CSGD trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng;

+ Trợ lý QLHSSV tiếp nhận phản hồi của người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm; Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp chưa tìm được việc làm; nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học tốt nghiệp có việc làm.

* Trưởng bộ môn, TLĐT, Trợ lý ĐBCL lập kế hoạch thực hiện đối sánh trong CSGD, trong nước/quốc tế về tỉ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm.
* Trưởng bộ môn, TLĐT, Trợ lý ĐBCL Khảo sát/trao đổi/làm việc với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết doanh nghiệp với CSGD ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm.

6. Công tác cơ sở vật chất

- Công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, …; Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, tần suất sử dụng, ... của trang thiết bị

- Kế hoạch mua sắm và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo. Kinh phí dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị (Sử dụng biểu 5).

+ Văn phòng phẩm: 24.800.000

+ Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản có giá trị: 71.500.000

7. Công tác hợp tác đối ngoại

* Tiếp nhận chuyên gia/ tình nguyện viên từ Đại sứ quán Hoa kỳ/ Các tổ chức tình nguyện đến giảng dạy tại đơn vị
* Phối hợp với Phòng Văn hóa-Giáo dục Hoa Kỳ tại Việt Nam (RELO), các tổ chức quốc tế (Extensive reading), nhà xuất bản nước ngoài (National Geographic, Oxford, Macmillian, vv) để tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn
* Làm việc với Đại sứ quán/ Lãnh sự quán/ Trung tâm Văn hóa-Giáo dục của một số nước (Anh-Mỹ, Trung, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc) về mô hình hoạt động của Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
* Phối hợp với phòng Đào tạo, Phòng KH-HTQT nghiên cứu phát triển mô hình đào tạo liên kết với nước ngoài (với Thái Lan, Cộng hòa Pháp, vv)

8. Các công tác khác

*8.1. Đề án Ngoại ngữ*

* Tham mưu cho BQL Đề án Ngoại ngữ trường ĐH Vinh trong công tác lập kế hoạch, triển khai hoạt động trong khuôn khổ nhiệm vụ năm 2021
* Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được phân công
* Phối hợp với các Sở, ban, ngành địa phương làm tốt công tác bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức

*8.2. Giảng dạy, đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ*

* Tham mưu trong công tác lập kế hoạch, triển khai hoạt động khảo thí Ngoại ngữ cho Sinh viên, học viên, cán bộ viên chức của nhà trường và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu
* Tổ chức triển khai các hoạt động Khảo thí ngoại ngữ theo nhiệm vụ chuyên môn được phân công (biên soạn đề thi, chấm thi, vv)

*8.3. Các hoạt động Đảng, Đoàn thể:*

* Công tác Đảng
* Lập kế hoạch hoạt động của ĐBBP, các chi bộ trực thuộc và có kế hoạch kiểm tra, giám sát
* Tổ chức kết nạp đảng viên: 8-10 đảng viên/ năm
* Hoạt động Công đoàn (Theo Kế hoạch hoạt động Năm học 2020-2021 của Công đoàn)
* Hoạt động của Liên chi đoàn, Liên chi hội (Theo Kế hoạch hoạt động Năm học 2020-2021 của Liên Chi đoàn, Liên chi hội)

9. Kiến nghị và đề xuất

9.1. Cân nhắc, xem xét việc sáp nhập Khoa Sư phạm Ngoại ngữ vào trường Sư phạm

9.2. Bổ sung, tuyển dụng cán bộ phù hợp chuyên môn cho đơn vị để thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được giao

**Phụ lục 1 - Kế hoạch năm học 2020-2021**

| **TT** | **LĨNH VỰC CÔNG TÁC** | **NỘI DUNG KẾ HOẠCH****(nêu các hoạt động kiểm đếm được sản phẩm đầu ra)** | **KHUNG** **THỜI GIAN** **THỰC HIỆN**  | **ĐƠN VỊ** **PHỐI HỢP** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng** | **1.1.Kế hoạch khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT**- CTĐT Đại học ngành Quốc tế học- CTĐT Đại học Sư phạm tiếng Anh (chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh Tiểu học)- CTĐT Đại học Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại)- CTĐT Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh - CTĐT Tiến sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | Tháng 8.2020 đến tháng 11.2020 | - Phòng Đào tạo- Phòng Đào tạo SĐH- TT Hỗ trợ SV-QH DN- TTĐBCL | - Kế hoạch khảo sát- Bảng câu hỏi khảo sát- Kết quả phân tích - Báo cáo dự báo nhu cầu |
| **1.2. Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT và công bố công khai CĐR của CTĐT**- Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh- Công bố công khai CĐR của CTĐT trên website/ subweb của đơn vị | Tháng 8.2020 đến tháng 9.2020 | - Phòng Đào tạo | - Biên bản Họp Hội đồng Khoa học- CĐR CTĐT (được cập nhật)- Website/ Subweb của đơn vị |
| **1.3. Cập nhật bản mô tả CTĐT****-** Cập nhật bản mô tả CTĐT Đại học ngành SP Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh | Tháng 8.2020 đến tháng 9.2020 | - Phòng Đào tạo | -Biên bản Họp Hội đồng Khoa học- Bản cập nhật mô tả CTĐT  |
| **1.4. Cập nhật đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần.**- Cập nhật đề cương CTĐT và đề cương môn học/học phần. | Thường xuyên | -Phòng Đào tạo | -Biên bản seminar bộ môn- Bản cập nhật Đề cương CTĐT và đề cương học phần |
| **1.5. Kế hoạch thể hiện các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTĐT** | Thường xuyên | - Phòng Đào tạo- Phòng Đào tạo SĐH- Trung tâm GDTX- Phòng KHTC | - Kế hoạch năm học của đơn vịBiểu 2: Kế hoạch giảng dạyBiểu 3: Khối lượng giờ định mức phải đảm nhận của đơn vị |
| **1.6. Đánh giá/rà soát/cải tiến/thẩm định quy trình thiết kế, phát triển CTĐT** |  Thường xuyên |  -Phòng Đào tạo | -Biên bản seminar bộ môn- Biên bản Họp Hội đồng Khoa học |
|  |  | **1.7. Khảo sát/dữ liệu khảo sát/báo cáo khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT** | Tháng 8.2020 đến tháng 11.2020 | - Phòng Đào tạo- Phòng Đào tạo SĐH- TT Hỗ trợ SV-QH DN- TTĐBCL | - Kế hoạch khảo sát- Bảng câu hỏi khảo sát- Kết quả phân tích - Báo cáo  |
|  |  | 1.8. Kế hoạch chi tiết tự đánh giá các CTĐT.- Thực hiện đánh giá giữa kỳ sau kiểm định CTĐT Đại học ngành Ngôn ngữ Anh- Tự đánh giá CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh | Tháng 9.2020- tháng 5.2021 | -TTĐBCL | - Kế hoạch đánh giá giữa kỳ CTĐT Đại học ngành Ngôn ngữ Anh- Báo cáo cải tiến CTĐT Đại học ngành Ngôn ngữ Anh- Kế hoạch tự đánh giá CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh- Báo cáo tự đánh giá CTĐT Đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh  |
| **2** | **Công tác dạy học** | **2.1. Tổ chức hoạt động đổi mới dạy học như: câu lạc bộ học thuật, dự án, rèn nghề, thực tập, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp**  | Thường xuyên | -Phòng Đào tạo-TT Hỗ trợ SV-QHDN | **-**Kế hoạch năm học- Biểu 4: Các hoạt động giáo dục, đào tạo, thực hành thí nghiệm |
| **2.2. Tổ chức hội thảo/hội nghị/chuyên đề/tọa đàm liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để đạt được CĐR.** | Thường xuyên | -Phòng Đào tạo-Phòng KH-HTQT | - Kế hoạch năm học- Kế hoạch Hội thảo/ Hội nghị- Chương trình Hội thảo/ Hội nghị |
| **2.3. Cập nhật, bổ sung, biên soạn nguồn tư liệu, giáo trình, sách, báo, phim ảnh phục vụ cho hoạt động dạy học.** | Tháng 9.2020 | -Phòng KHTC-TT Thư viện | -Danh mục sách bổ sung |
| **2.4. Đánh giá tính tương thích và phù hợp của quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá và CĐR của CTĐT.** | Tháng 12.2020 đến tháng 6.2021 | -Phòng Đào tạo-Trung tâm ĐBCL | -Báo cáo đánh giá |
| **2.5. Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy học và kết quả học tập.**- Phản hồi của sinh viên thông qua kết quả đánh giá giảng viên trong từng học kỳ- Bảng đối sánh CĐR và kết quả học tập của sinh viên | Tháng 12.2020Tháng 6.2021 | -Phòng CTCT HSSV-Trung tâm ĐBCL | -Bảng tổng hợp kết quả đánh giá phản hồi của sinh viên-Bảng đối sánh CDDR và kết quả học tập |
|  | 2**.6. Công tác kiểm tra đánh giá: quy trình kiểm tra đánh giá, kết quả thi học phần, chấm luận văn tốt nghiệp/ luận án, bài thi định kỳ/cuối kỳ/cuối khóa... của các hệ đào tạo.** | Thường xuyên | - Phòng Đào tạo-Trung tâm ĐBCL | - Hồ sơ kiểm tra đánh giá của giảng viên- Hồ sơ học tập của sinh viên- Dữ liệu thi/ kiểm tra đánh giá của sinh viên |
|  | 2.7. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ dạy học và cập nhật định mức kinh tế kỹ thuật  | Tháng 8.2020 | -Phòng Đào tạo- Phòng ĐT SĐH- Trung tâm GDTX- Phòng KHTC | -Kế hoạch năm họcBiểu 2: Kế hoạch giảng dạyBiểu 3: Khối lượng giờ định mức phải đảm nhận của đơn vị |
| **3** | **Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ** | **3.1. Cập nhật kế hoạch/chiến lược/chính sách NCKH và chuyển giao công nghệ của khoa/viện.** | Tháng 9.2020 | -Phòng KH &HTQT | - Biên bản họp Hội đồng Khoa học- Chiến lược NCKH và chuyển giao công nghệ của Khoa trong giai đoạn 2020-2025- Kế hoạch NCKH và chuyển giao công nghệ của Khoa năm 2021 |
| **3.2. Dự kiến kết quả về các nghiên cứu và công bố của người học và giảng viên**  | Tháng 9.2020 | -Phòng KH &HTQT | -Biểu 7 |
| **3.3. Công tác biên soạn/ cập nhật sổ tay/ hướng dẫn thực hiện kế hoạch NCKH của đơn vị.** | Tháng 12.2020 | -Phòng KH &HTQT | - Biên bản họp Hội đồng Khoa học - Sổ tay hướng dẫn thực hiện kế hoạch NCKH |
| **3.4. Các hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm, … để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào thực tiễn/sử dụng cải tiến việc dạy và học.**- Hội thảo VietTESOL 2021/- Hội thảo VinhTESOL 2021- Hội thảo tập huấn phát triển chuyên môn cho giáo viên (01-02 Hội thảo) | Tháng 12.2020- tháng 10.2021 | -Phòng KH &HTQT-Hiệp hội VietTESOL- Đề án Ngoại ngữ QG- ĐSQ Hoa Kỳ (RELO- NXB Cengage, MacMillian | - Kế hoạch tổ chức Hội nghị/ Hội thảo- Chương trình Hội nghị/ Hội thảo |
| **3.5. Tổ chức các hội nghị tổng kết, báo cáo kết quả NCKH của người học và GV.**- Hội nghị tổng kết cho các đề tài, các giáo trình đăng ký xuất bản- Hội nghị báo cáo SV NCKH cấp Khoa | Tháng 2- tháng 5.2021 | -Phòng KH &HTQT | - Kế hoạch tổ chức Hội nghị/ Hội thảo- Chương trình Hội nghị/ Hội thảo |
|  | 3.6. Kế hoạch thực hiện đối sánh trong nước và quốc tế về loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH của người học và GV thuộc các CTÐT tương ứng. | Tháng 12.2020 | -Phòng KH &HTQT-TT ĐBCL | -Kế hoạch thực hiện-Bảng phân tích đối sánh |
| **4** | **Công tác phát triển đội ngũ** | **4.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ của khoa/viện.** | Tháng 8.2020 | -Phòng TCCB | -Kế hoạch chiến lược của đơn vị-Kế hoạch năm học |
| **4.2. Kế hoạch khảo sát và dự báo nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng đội ngũ.** | Tháng 9.2020 | -Phòng TCCB | -Kế hoạch khảo sát-Bảng phân tích, dự báo nhu cầu |
| **4.3. Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ**  | Tháng 9.2020 | -Phòng TCCB | -Kế hoạch năm họcBiểu 6:Biểu 8:  |
| 4.4. Công tác đánh giá cán bộ và thi đua khen thưởng của đơn vị.- Xây dựng và ban hành bộ đánh giá thi đua khen thưởng của đơn vị để đánh giá đúng năng lực và công việc đảm nhiệm- Kế hoạch hoạt động để thực hiện các nhiệm vụ năm học: Đăng ký danh hiệu thi đua, Bình xét xếp loại cán bộ hàng tháng, Đánh giá cán bộ hàng năm, vv | Thường xuyên | -Phòng TCCB | -Bộ đánh giá tiêu chí-Danh sách xếp loại cán bộ hàng tháng/ hàng năm |
| **5** | **Công tác về người học** | 5.1. Công tác tuyển sinh- Đề án/chính sách tuyển sinh hằng năm của khoa/ viện;  | Tháng 2- 3.2021 | -Phòng Đào tạo-Phòng Đào tạo SĐH-Trung tâm GDTX | - Đề án/chính sách tuyển sinh hằng năm của khoa/ viện |
| -Dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh  | Tháng 8.2021 | Kế hoạch năm học(Biểu 1) |
| - Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của khoa/viện. | Tháng 2- 3.2021 | - Thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của khoa/viện. |
| - Khảo sát hằng năm về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh của đơn vị. |  Thường xuyên | - Phòng Đào tạo-Phòng Đào tạo SĐH-Trung tâm GDTX-TT Hỗ trợ SV-QHDN | -Kế hoạch khảo sát- Báo cáo kết quả khảo sát |
|  | - Kiến nghị đóng/mở chương trình đào tạo.+ Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh Chất lượng cao+ Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Sư phạm tiếng Anh (chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh Tiểu học)+ Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại)+ Mở mã ngành Đào tạo Cử nhân Quốc tế học+ Mở mã ngành Đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh | Tháng 9.2020Tháng 2.2021Tháng 2.2021Tháng 2.2021Tháng 2.2021Tháng 2.2021 | - Phòng Đào tạo-Phòng Đào tạo SĐH |  - Biên bản Họp Hội đồng Đào tạo- Tờ trình về việc mở mã ngành Đào tạo- Đề án mở mã ngành Đào tạo- Quyết định phê duyệt mở mã ngành |
|  | **5.2. Công tác hỗ trợ người học**- Kế hoạch thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học  | Thường xuyên | -Phòng CTCT HSSV-Trung tâm Hỗ trợ SV-QHDN | -Kế hoạch thực hiện-Cẩm nang/ Sổ tay nghiệp vụ về người học |
| - Kế hoạch thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học đã tốt nghiệp  | Thường xuyên | Phòng CTCT HSSV-Trung tâm Hỗ trợ SV-QHDN | - Kế hoạch thực hiện-Cẩm nang/ Sổ tay nghiệp vụ về người học đã tốt nghiệp |
| - Kế hoạch thực hiện đối sánh trong CSGD, trong nước/quốc tế về tỉ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp; báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm. | Thường xuyên | Phòng CTCT HSSV-Trung tâm Hỗ trợ SV-QHDN- | - Kế hoạch thực hiện-Báo cáo đối sánh-Báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm |
|  | -Khảo sát/trao đổi/làm việc với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết doanh nghiệp với CSGD ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm. | Thường xuyên | Phòng CTCT HSSV-Trung tâm Hỗ trợ SV-QHDN- | - Kế hoạch thực hiện-Danh sách các đơn vị sử dụng lao động |
| **6** | **Công tác cơ sở vật chất** | **- Công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị** |  Thường xuyên | - P. Quản trị-Đầu tư-P. KHTC | - Bảng phân công nhiệm vụ |
| **- Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, tần suất sử dụng, ... của trang thiết bị** | Thường xuyên | - Sổ theo dõi trang thiết bị |
| **- Kế hoạch mua sắm và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo. Kinh phí dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị**  | Tháng 9.2020 | -Kế hoạch năm học (Biểu 5) |
| **7** | **Công tác hợp tác đối ngoại** | -Tiếp nhận chuyên gia/ tình nguyện viên đến giảng dạy tại đơn vị | Thường xuyên | Phòng KH-HTQTPhòng Văn hóa-Giáo dục Hoa Kỳ tại Việt Nam (RELO)Các tổ chức tình nguyện quốc tế | - Kế hoạch năm học- Biên bản tiếp nhận chuyên gia/ tình nguyện viên |
| Phối hợp với để tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn | Thường xuyên | -Phòng KH-HTQT-Phòng Văn hóa-Giáo dục Hoa Kỳ tại Việt Nam (RELO)Các tổ chức tình nguyện, tổ chức quốc tế (Extensive reading), -NXB nước ngoài (National Geographic, Oxford, Macmillian,vv | - Kế hoạch năm học- Kế hoạch tổ chức Hội nghị, hội thảo- Thông báo tổ chức Hội nghị, hội thảo- Chương trình Hội nghị, Hội thảo |
| Tìm hiểu, xây dựng mô hình hoạt động của Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế | Tháng 9.2020 đến tháng 02.2021 | -Phòng KH-HTQT- Đại sứ quán/ Lãnh sự quán/ Trung tâm VH-GD của một số nước (Anh-Mỹ, Trung, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc | - Kế hoạch năm học- Kế hoạch làm việc- Báo cáo Đề án xây dựng mô hình hoạt động  |
|  | Nghiên cứu phát triển mô hình liên kết đào tạo với nước ngoài (với Thái Lan, Cộng hòa Pháp, vv) |  Tháng 9.2020 đến tháng 02.2021 | -Phòng Đào tạo-Phòng KH-HTQT | - Kế hoạch năm học- Kế hoạch làm việc- Báo cáo Đề án xây dựng mô hình hoạt động  |
| **8** | **Các công tác khác** | 8.1. Đề án Ngoại ngữ-Tham mưu cho BQL Đề án Ngoại ngữ trường ĐH Vinh trong công tác lập kế hoạch, triển khai hoạt động trong khuôn khổ nhiệm vụ năm 2021-Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được phân công- Phối hợp với các Sở, ban, ngành địa phương làm tốt công tác bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức | Thường xuyên | - BQL Đề án NN- Sở Giáo dục và Đào tạo- Các sở, ban ngành | -Kế hoạch thực hiện |
| 8.2. Giảng dạy, đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ-Tham mưu trong công tác lập kế hoạch, triển khai hoạt động khảo thí Ngoại ngữ cho Sinh viên, học viên, cán bộ viên chức của nhà trường và các tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu- Tổ chức triển khai các hoạt động Khảo thí ngoại ngữ theo nhiệm vụ chuyên môn được phân công (biên soạn đề thi, chấm thi, vv) | Thường xuyên | - BQL Đề án NN- Trung tâm ĐBCL- Trung tâm GDTX | -Kế hoạch thực hiện |
| 8.3. Các hoạt động Đảng, Đoàn thể:* Công tác Đảng (Theo Kế hoạch hoạt động năm 2021 của ĐBBP, Chi bộ trực thuộc
* Hoạt động Công đoàn (Theo Kế hoạch hoạt động Năm học 2020-2021 của Công đoàn)
* Hoạt động của Liên chi đoàn, Liên chi hội (Theo Kế hoạch hoạt động Năm học 2020-2021 của Liên Chi đoàn, Liên chi hội)
 | Thường xuyên | -Văn phòng Đảng, Hội đồng trường, Đoàn thể- Đoàn trường, Hội sinh viên trường | -Kế hoạch hoạt động |

PHẦN 3

CÁC BIỂU KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2020-2021

Biểu 1: Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021

Biểu 2.Kế hoạch đào tạo, giảng dạy của đơn vị trong năm học 2020-2021

Biểu 3: Tổng hợp số giờ quy chuẩn đơn vị phải đảm nhận giảng dạy năm học 2020-2021

Biểu 4: Bảng tổng hợp các hoạt động đào tạo, thực hành thí nghiệm đề nghị cấp kinh phí năm học 2020-2021

Biểu 5: Bảng tổng hợp tài sản, công cụ, dụng cụ đề nghị Nhà trường mua sắm

Biểu 6: Công tác tổ chức cán bộ và kế hoạch học tập, bồi dưỡng năm học 2020-2021

Biểu 7: Kế hoạch đăng ký NCKH năm học 2020-2021

Biểu 8: Kế hoạch giảng dạy, đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ

Biểu 9: Tổng hợp các khoản thu năm học 2020-2021

Biểu 10: Tổng hợp các khoản chi năm học 2020-2021

Biểu 11: Tổng hợp thu chi năm học 2020-2021

|  |  |
| --- | --- |
| PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG | TRƯỞNG ĐƠN VỊ |

1. Trong đó có 270 giờ dạy cho đối tượng VLVH, 150 giờ cho học sinh Trường THPT Chuyên hệ Chất lượng cao. Số giờ dạy năm học 2019 – 2020 tăng đột biến so với năm học 2018 – 2019 do năm học này Bộ môn được điều động thêm 04 CBGD từ Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành. [↑](#footnote-ref-1)
2. Trong đó, giảng viên thỉnh giảng dạy 544 giờ. [↑](#footnote-ref-2)
3. Năm học 2018 – 2019, tổng số giờ dạy toàn Khoa là 24.505,25 giờ. Trung bình 562,308 giờ/CBGD. [↑](#footnote-ref-3)
4. PGS.TS. Trần Thị Ngọc Yến chủ nhiệm 01 đề tài; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Hồng chủ nhiệm 01 đề tài. [↑](#footnote-ref-4)
5. Bài báo của TS. Trần Bá Tiến và TS. Lê Thị Tuyết Hanh [↑](#footnote-ref-5)
6. Trong đó có 03 bài do TS. Lê Thị Tuyết Hành làm tác giả chính. [↑](#footnote-ref-6)
7. 03 của TS. Nguyễn Hữu Quyết [↑](#footnote-ref-7)
8. TS. Nguyễn Duy Bình [↑](#footnote-ref-8)
9. ThS. Hoàng Tăng Đức làm tác giả chính. Tiếng Anh 1 Macmillan Next Move, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Thành phố Hồ Chí Minh. [↑](#footnote-ref-9)
10. 02 bài của TS. Nguyễn Thị Kim Anh [↑](#footnote-ref-10)
11. 02 bài của PGS.TS. Trần Thị Ngọc Yến [↑](#footnote-ref-11)
12. Bộ môn Ngoại ngữ chuyên ngành có 20 Xêmina; Bộ môn Kỹ năng Tiếng Anh có 09 Xêmina; Bộ môn Biên – Phiên dịch có Xêmina. [↑](#footnote-ref-12)
13. BM Kỹ năng Tiếng Anh có 6 giờ thao giảng; BM Lý thuyết Tiếng Anh có 06 giờ thao giảng; BM Biên-Phiên dịch có 03 giờ thao giảng; BM Ngoại ngữ chuyên ngành có 03 giờ thao giảng; BM PPGD Tiếng Anh có 03 giờ thao giảng. [↑](#footnote-ref-13)
14. Trường giao cho đơn vị năm học 2019 – 2020 là có 04 bài báo đăng trên tạp chí uy tín thế giới (ISI/Scopus) nhưng chỉ có 01 bài. [↑](#footnote-ref-14)
15. TS. Trần Thị Ngọc Yến được phong học hàm PGS năm 2019. [↑](#footnote-ref-15)
16. Giảng viên Trần Thị Hảo hoàn thành CTĐT trình độ tiến sĩ năm 2019. [↑](#footnote-ref-16)
17. Giảng viên Dương Đức Anh và giảng viên Nguyễn Thị Dương Ngọc hiện đang học thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và PPGD Bộ môn tiếng Anh tại Trường Đại học Vinh. [↑](#footnote-ref-17)
18. Giảng viên Nguyễn Hữu Quyết và giảng viên Nguyễn Duy Bình được bổ nhiệm chức danh Giảng viên chính năm 2019. [↑](#footnote-ref-18)
19. Nguyễn Thị Vân Lam, Trần Thị Hảo, Trần Thị Thanh Tú [↑](#footnote-ref-19)
20. Lê Minh Tân [↑](#footnote-ref-20)
21. Kế hoạch 5 năm (2020-2025), mỗi năm cử 2-3 CBGD đi học trình độ tiến sĩ. [↑](#footnote-ref-21)
22. Nguyễn Duy Bình, Trương Thị Minh, Nguyễn Lê Hoài Thu, Dương Đức Ánh [↑](#footnote-ref-22)
23. Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Trang [↑](#footnote-ref-23)
24. ThS. Đinh Thị Mai Anh [↑](#footnote-ref-24)
25. PGS.TS. Trần Thị Ngọc Yến, TS. Nguyễn Xuân Bình, TS. Nguyễn Hữu Quyết, ThS. Hoàng Tăng Đức, ThS. Trần Thị Phương Thảo [↑](#footnote-ref-25)
26. ThS. Lê Thị Tuyết Hạnh [↑](#footnote-ref-26)
27. Số lượng sinh viên đầu vào dự kiến tuyển là 300 SV, trong đó dự kiến tuyển 70 sinh viên ngành SP Tiếng Anh và 230 sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Số sinh viên được tuyển vào học tăng 257 so với số lượng dự kiến. [↑](#footnote-ref-27)